

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21-9-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thắng;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến– Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 137/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị M, sinh năm 1973; HKTT: Ấp C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Danh Khơ M1, sinh năm 1982; HKTT: Tỉnh Kiên Giang. Tạm trú: Ấp C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Dương..

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 19/3/2021, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà M trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà M và ông M1 chung sống với nhau từ năm 2012, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện P vào ngày 19/3/2013. Sau thời gian vợ chồng sống hạnh phúc thì đến

năm 2021, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không hợp tính tình, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay. Thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nếu kéo dài không có lợi cho cả hai nên bà M làm đơn xin được ly hôn với ông M1.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, bà M và ông M1 có 01 con chung tên Danh Gia B, sinh ngày 16/02/2012. Khi ly hôn bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông M1 cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn bà M giao nộp: Bản chính đơn xin ly hôn ngày 19/3/2021 của nguyên đơn; 01 bản sao giấy chứng nhận kết hôn; 01 bản sao giấy khai sinh của con chung; 01 bản tự khai của nguyên đơn ngày 19/3/2021.

Ngoài ra, bà M không cung cấp chứng cứ hay ý kiến gì khác.

*** Theo bản tự khai ngày 13/5/2021 và biên bản hòa giải, bị đơn ông M1 trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông M1 thống nhất với lời trình bày của bà M cụ thể: Ông M1 và bà M có mối quan hệ là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện P, tỉnh Bình Dương vào ngày 19/3/2013. Tuy nhiên, ông M1 vẫn còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Ông M1 và bà M có 01 con chung tên Danh Gia B, sinh ngày 16/02/2012. Ông M1 không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án cho vợ chồng ly hôn thì ông M1 yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quá trình tiến hành tố tụng, ý kiến của con chung:**

- *Ý kiến của Danh Gia Bảo*: Nếu ba mẹ ly hôn thì em muốn ở chung với mẹ là bà Lâm Thị M.

*** Xác minh và làm việc của Tòa án:**

- Ngày 16/6/2021, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh, cụ thể như sau:

+ Xác minh tại chính quyền địa phương (trưởng ấp), xác định: Ông M1 và bà M là hai vợ chồng sinh sống tại ấp C, xã M, huyện P. Quá trình chung sống tại địa phương thì ông không biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà M và ông M1.

+ Xác minh tại hàng xóm: Trong cuộc sống chung, hai vợ chồng có lời qua tiếng lại, cự cãi nhau, đôi khi to tiếng gây ồn ào hàng xóm. Gần đây, ông M1 còn uống rượu, tính tình lại hay ghen nên là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn.

Ngoài ra, ông M1 là người chăm chỉ, siêng năng. Hiện tại, hai vợ chồng đã ly thân được 03 tháng.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/7/2021 đối với anh Lê Văn T là con riêng của bà M sống gần nhà bà M và ông M1 có thể hiện: Ông M1 hay uống rượu, đi làm về thường hay to tiếng với bà M, có lần vào tháng 02/2021, ông M1 còn đánh bà M.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn bà M, bị đơn ông M1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn ông M1 là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và giao con chung cho nguyên đơn được trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà M có mặt, bị đơn ông M1 đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông M1 thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn ông M1 vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà M khởi kiện tranh chấp ly hôn và nuôi con chung đối với bị đơn ông M1, ông M1 có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Kiên Giang và đăng ký tạm trú tại ấp C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn xin ly hôn ngày 19/3/2021, bà M khởi kiện ly hôn đối với ông M1 với các yêu cầu: Ly hôn; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Danh Gia Bảo, sinh ngày 16/02/2012, không yêu cầu ông M1 cấp dưỡng nuôi con chung; không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung. Quá trình tố tụng, bà M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông M1 không đồng ý ly hôn nhưng có ý kiến nếu Tòa án cho vợ chồng ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà M cấp dưỡng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà M và ông M1 chung sống với nhau từ năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M vào ngày 19/3/2013. Hôn nhân giữa bà M và ông M1 đã thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, bà M và ông M1 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình, ông M1 cũng hay uống rượu, lại là người nóng tính, hay ghen nên vợ chồng bất đồng ý kiến, không thấu hiểu, quan tâm, chăm sóc nhau; hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay. Khi được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa, ông M1 cố tình vắng mặt, điều này thể hiện ông M1 không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm. Thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu kéo dài không có lợi cho cả hai nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà M được ly hôn với ông M1 theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, bà M với ông M1 có con chung tên Danh Gia B, sinh ngày 16/02/2012. Quá trình tổ tụng cũng như tại phiên tòa, bà M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Danh Gia B và cháu B cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ nên Hội đồng xét xử giao cho bà M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4.3] *Về cấp dưỡng*: Bà M tự nguyện nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông M1 phải cấp dưỡng, đây là ý kiến tự nguyện của bà M và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.4] *Về tài sản chung*: Bà M xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.5] *Về nợ chung*: Bà M không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Bà M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Lâm Thị M đối với ông Danh Khơ M1.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lâm Thị M được ly hôn với ông Danh Khơ M1.

1.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Bà Lâm Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Danh Gia B, sinh ngày 16/02/2012 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lâm Thị M về việc không yêu cầu ông Danh Khơ M1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Lâm Thị M không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Lâm Thị M phải chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0045788 ngày 30/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 21/9/2021).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Nam